



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN
THANH HÓA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC

APEC CONSULTING AND AUDITING CO., LTD

Trụ sở chính: Số 10A, Ngõ 1295/2, Đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Head office: No. 10A, Lane 1295/2, Giai Phong Str., Hoang Liet Ward, Hoang Mai Dist., Ha Noi

Tel: (84-4) 3 634 1346 - 2 213 7255 * Fax: (84-4) 3 634 1346

Email: apec.auditn@gmail.com

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Địa chỉ: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo Kiểm toán	4 - 5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 –26

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Địa chỉ: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa, là một doanh nghiệp, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800239312 đăng ký lần đầu vào ngày 18 tháng 4 năm 2011 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của công ty: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 1.493.217.000 đồng

(Bằng chữ : một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng)

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xuất bản sách;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
- Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ;
- Xuất bản báo , tạp chí và các ấn phẩm định kỳ;
- Hoạt động xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo và truyền thông;

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 26 kèm theo

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập Báo cáo gồm:

Họ và Tên

Chức vụ

Ông Hoàng Văn Tú

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Địa chỉ: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Giám đốc



Hoàng Văn Tú

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC****APEC CONSULTING AND AUDITING CO., LTD**Trụ sở chính: Số 10A, Ngõ 1295/2, Đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
Head office: No.10A, Lane 1295/2, Giai Phong Str, Hoang Liet Ward, Hoang Mai Dist, Ha Noi

- Tel: (84-4) 3 634 1346-2 2137255
- Fax: (84-4) 3 634 1346
- Email: apec.auditn@gmail.com
- Website: www.apec-audit-ac.com

Số : 070.04/2020/BCKIT/APEC

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa****Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC, đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC

Thay mặt và đại diện



Vũ Hoài Đức

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1037-2015-095-1

Phan Thanh Tú

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1225-2018-095-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.632.857.360	6.125.438.405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.985.329.517	3.425.025.197
1. Tiền	111	V.01	2.985.329.517	3.425.025.197
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.554.608.923	2.684.590.923
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	2.540.213.303	2.658.095.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	395.620	395.620
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	14.000.000	26.100.000
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	15.822.285	15.822.285
1. Hàng tồn kho	141		15.822.285	15.822.285
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		77.096.635	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.096.635	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.258.182	79.213.182
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	8.955.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	-	8.955.000
- Nguyên giá	222		468.538.900	468.538.900
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(468.538.900)	(459.583.900)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		70.258.182	70.258.182
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	70.258.182	70.258.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.703.115.542	6.204.651.587

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẮN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.404.814.929	5.034.269.196
I. Nợ ngắn hạn	310		4.404.814.929	5.034.269.196
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	3.523.873.791	3.883.511.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.09	64.850.000	4.550.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	99.769.900	90.172.353
4. Phải trả công nhân viên	314		223.186.616	192.198.986
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	493.134.622	863.836.049
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.08	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.298.300.613	1.170.382.391
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	1.298.300.613	1.170.382.391
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.455.487.352	1.455.487.352
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(157.186.739)	(285.104.961)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.703.115.542	6.204.651.587

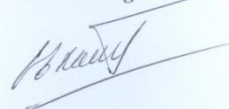
Thanh Hóa, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Thanh

Kế toán trưởng



Trịnh Văn Hiệp

Giám đốc



Hoàng Văn Tú

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.991.714.917	7.289.861.183
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	7.991.714.917	7.289.861.183
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.930.293.016	5.401.000.584
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.061.421.901	1.888.860.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.930.719	2.419.540
7. Chi phí tài chính	22	VI.5		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	1.981.616.216	1.885.216.142
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.736.404	6.063.997
11. Thu nhập khác	31	VI.6	45.181.818	19.090.910
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		45.181.818	19.090.910
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		127.918.222	25.154.907
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		127.918.222	25.154.907

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Thanh

Kế toán trưởng



Trịnh Văn Hiệp

Giám đốc



Hoàng Văn Tú

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẮN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(439.695.680)	660.679.164
1. Lợi nhuận trước thuế	127.918.222	25.154.907
2. Điều chỉnh cho các khoản	8.955.000	8.955.000
+ Khấu hao tài sản cố định	8.955.000	8.955.000
+ Các khoản dự phòng	-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	-	-
+ Chi phí lãi vay	-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	136.873.222	34.109.907
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	52.885.365	(68.521.712)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	(629.454.267)	695.090.969
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu,	-	-
mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(439.695.680)	660.679.164
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3.425.025.197	2.764.346.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2.985.329.517	3.425.025.197

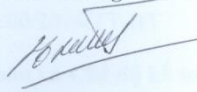
Thanh Hóa, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Thanh

Kế toán trưởng



Trịnh Văn Hiệp

Giám đốc



Hoàng Văn Tú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên nhà xuất bản Thanh Hóa là một doanh nghiệp, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2800239312 đăng ký lần đầu vào ngày 18 tháng 4 năm 2011 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của công ty: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 1.493.217.000 đồng

(Bằng chữ : một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn)

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xuất bản sách;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
- Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ;
- Xuất bản báo , tạp chí và các ấn phẩm định kỳ;
- Hoạt động xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo và truyền thông;

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung TT200/2014/TT-BT

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo

đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán để thực hiện ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ. Việc áp dụng từng loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán tại Công ty tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền:

- Lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất theo điểm a nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất doanh nghiệp có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm Báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

- Là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:
 - Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
 - Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.
- Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
 - Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
 - Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
- Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá: Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, thì loại chứng khoán này được lập dự phòng giảm giá.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, sau ghi nhận theo giá gốc ban đầu, được ghi nhận theo giá trị hợp lý (bằng giá gốc sau khi đã điều chỉnh theo giá trị tồn thất)
- Tồn thất được xác định theo (BCTC của doanh nghiệp phát hành trái phiếu/cổ phiếu ưu đãi/ngân hàng nhận tiền gửi.../hoặc theo giá thị trường). Nếu tồn thất xác định được một cách tin cậy sẽ ghi giảm khoản

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

đầu tư. Sau khi đã ghi nhận tổn thất, nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy khoản tổn thất có thể thu hồi lại, thì khoản tổn thất đã ghi sẽ được hoàn lại (cho đến mức bằng tổng số tổn thất đã ghi nhận các kỳ trước) (theo CMKTQT: nếu thu hồi cao hơn giá gốc thì phần cao hơn sẽ giữ lại trên TK 412 – không ghi vào thu nhập)

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:
Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

c) Các khoản cho vay

- Giá trị ghi sổ các khoản cho vay được xác định theo giá gốc. Trong giai đoạn chờ tất toán, các khoản cho vay được trích lập dự phòng phải thu khó đòi như các khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty. Số trích lập dự phòng được phản ánh trong chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn/dài hạn khó đòi trên BCĐKT của Công ty;
- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ là tỷ giá mua của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

- Tỷ lệ quyền biểu quyết là căn cứ để xác định mối quan hệ đầu tư vốn tại công ty. Cụ thể : Công ty chiếm trên 50% quyền biểu quyết (hoặc dưới 50% nhưng được các cổ đông khác chấp thuận hoặc...) được phân loại là đầu tư vào công ty con ; nếu tỷ lệ quyền biểu quyết (trực tiếp và gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
- Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua cộng chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên doanh, liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư;
- Dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào đơn vị khác được lập vào thời điểm kết thúc năm tài chính, Dự phòng tổn thất khoản vốn đầu tư được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm lập dự phòng. BCTC dùng để xác định tổn thất là BCTC hợp nhất, hoặc BCTC riêng (nếu tổ chức kinh tế nhận vốn góp không phải lập BCTC hợp nhất)

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc năm tài chính nếu xác định được giá trị hợp lý là giá thị trường; hoặc dự phòng tổn thất khoản vốn đầu tư được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm lập dự phòng (nếu không xác định được giá trị hợp lý). BCTC dùng để xác định tổn thất là BCTC hợp nhất, hoặc BCTC riêng (nếu tổ chức kinh tế nhận vốn góp không phải lập BCTC hợp nhất)

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

- Giao dịch hoán đổi cổ phiếu được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa tại ngày trao đổi (hoặc giá đóng cửa của phiên giao dịch trước liền kề ngày trao đổi) trên thị trường niêm yết/trên sàn UPCOM. Hoặc là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng, hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi;
- Giao dịch đầu tư dưới hình thức góp vốn: Công ty góp vốn vào Công ty ABC bằng tiền tệ và bằng tài sản phi tiền tệ (TSCĐ, HTK, chi phí...). Các tài sản phi tiền tệ khi mang đi góp vốn được đánh giá lại và đã được các bên tham gia góp vốn vào Công ty ABC chấp nhận. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị đánh giá lại phát sinh tại thời điểm góp vốn đã được ghi nhận hết vào thu nhập /chi phí của hoạt động khác ngay trong năm phát sinh.
- Giao dịch dưới hình thức mua lại phần vốn góp: Khi thanh toán cho bên chuyển nhượng vốn bằng tài sản phi tiền tệ, tùy theo từng loại hình tài sản phi tiền tệ được sử dụng, Công ty sẽ ghi nhận doanh thu, giá vốn (nếu tài sản là hàng tồn kho), hoặc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác, chi phí khác...(nếu tài sản là TSCĐ); hoặc ghi nhận lãi, lỗ hoạt động tài chính (nếu tài sản là các công cụ vốn, công cụ nợ)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu:
Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Tiêu chí phân loại các khoản phải thu:
 - a) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản....
 - b) Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
 - c) Phải thu khác là các khoản phải thu còn lại không được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ.
 - d) Khoản cho vay được phân loại là khoản phải thu khi lập BCTC
- Khoản phải thu của khách hàng được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.
- Các khoản phải thu có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là tài sản ngắn hạn; các khoản phải thu còn lại không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải thu được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.
- Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại ABC (nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch)
- Nợ phải thu không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh / bình quân gia quyền/nhập trước xuất
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập BCT là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ HH, TSCĐ VH:

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;
- Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định). Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 50 năm

Máy móc, thiết bị

03 - 20 năm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

- Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014

b) Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

- Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

c) Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư:

- Bất động sản đầu tư cho thuê được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại và được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.
- Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận theo giá trị thuần (bằng nguyên giá trừ đi tổn thất). Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ phát sinh.
- Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

a) Khi Công ty là Bên góp vốn:

- Tài sản góp vốn là tiền, hàng tồn kho, chi phí... được ghi giảm tương ứng tăng phải thu khác; Tài sản góp vốn là tài sản phi tiền tệ (như TSCĐ, BBĐS) và không phải chuyển quyền sở hữu thì không ghi giảm mà được theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản; Nếu TSCĐ, BBĐS khi góp vốn phải chuyển quyền sở hữu, và TSCĐ hình thành trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, thì sẽ ghi giảm tài sản tăng chi phí đầu tư xây dựng. Khi tài sản hình thành, bàn giao đưa vào sử dụng, sẽ ghi tăng tài sản theo giá trị được chia phù hợp với mục đích sử dụng
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí: Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác: Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí, công nợ liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Khi Công ty là bên nhận vốn góp:

- Công ty theo dõi riêng phần vốn góp và tài sản nhận về là khoản phải trả khác (không ghi tăng vốn chủ sở hữu).
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí: Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác: Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí, công nợ liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

a) Nguyên tắc kế toán Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi Công ty dự tính chắc chắn có được lợi ích tính thuế thu nhập trong tương lai đối với các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ/khoản lỗ tính thuế/ưu đãi thuế chưa sử dụng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 248 Trần Phú, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%
- Công ty không thực hiện bù trừ TS thuế thu nhập hoãn lại với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả do không cùng đối tượng và cơ quan thuế quản lý.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận sẽ được đánh giá lại để ghi nhận bổ sung, làm giảm chi phí thuế hoãn lại, khi Công ty dự tính chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

b) Nguyên tắc kế toán thuế TNDN phải trả:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tạm thời chịu thuế. Khoản chênh lệch tạm thời này làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai (khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%
- Công ty không thực hiện bù trừ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả với TS thuế thu nhập hoãn lại do không cùng đối tượng và cơ quan thuế quản lý.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

- Chi phí trả trước, phương pháp phân bổ và thời gian phân bổ - kỳ hạn phân bổ của Công ty như sau:

Số TT	Loại chi phí	Phương pháp phân bổ	Thời gian phân bổ
1	Chi phí quảng cáo trước hoạt động	Theo sản lượng sản xuất	36 tháng
2	Chi phí đào tạo	Theo dự toán	36 tháng
3	Chi phí bảo hiểm	Theo đường thẳng	Theo hợp đồng (nêu cụ thể từng loại...)
4	Chi phí lãi trái phiếu/lãi vay...	Theo đường thẳng	Theo kỳ hạn khi phát hành/khi vay...
5	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Theo đường thẳng	Theo từng loại tài sản cụ thể

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

- Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:
 - Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
 - Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
 - Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.
- Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.
- Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.
- Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại ABC (nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch)
- Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.
- Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

- Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

- Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.
- Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Trong năm Công ty có các khoản chi phí phải trả chủ yếu như sau: (nêu rõ theo thực tế)

- Trích trước tiền lương nghỉ phép – được xác định trên số ngày nghỉ phép còn lại và mức lương tương ứng phải trả của toàn bộ lao động trong Công ty;
- Trích trước chi phí điện, nước tháng 12 – được tạm tính theo mức tiêu thụ của tháng 11 (hoặc theo cùng kỳ năm trước/ hoặc...);
- Trích trước chi phí thầu phụ - được xác định theo hợp đồng ký với thầu phụ để đảm bảo doanh thu phù hợp với chi phí;
- Trích trước chi phí tạm tính giá vốn sản phẩm hàng hóa BĐS- được xác định theo dự toán ...
- Trích trước chi phí lãi vay – được xác định theo số ngày còn lại trong năm chưa tính lãi nhân với lãi suất ghi trong hợp đồng vay

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

- Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.
- Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.
- Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

- Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở:
 - Là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản;
 - Là khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ;
 - Là khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay;
 - Là khoản chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống;
- Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ đều vào thu nhập trong năm theo kỳ hạn của chúng khi phát sinh.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt hai cấu phần: phần nợ gốc được ghi nhận là nợ phải trả, và phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.
- Lãi suất sử dụng để chiết khấu dòng tiền là *Lãi suất của trái phiếu Chính phủ/trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không chuyển đổi/lãi suất đi vay phổ biến tại thời điểm phát hành* nên đảm bảo độ tin cậy.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

c) Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh giai đoạn trước hoạt động của Công ty (chỉ áp dụng đối với DN do NN nắm 100% VDL có thực hiện dự án công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng)

d) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước..
- Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông/của Hội đồng thành viên

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. *(hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).*

e) Thu nhập khác: Thu nhập khác là các khoản làm tăng lợi ích của Công ty ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như: thu thanh lý tài sản, khoản tiền thưởng từ khách hàng (không ghi tăng doanh thu) tiền bảo hiểm...

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.
- Các khoản giảm trừ doanh thu thuộc kỳ báo cáo được ghi giảm doanh thu trong kỳ, trừ trường hợp phát hiện sai sót sau khi đã phát hành báo cáo sẽ được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

- Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.
- Trong kỳ các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: *hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa BĐS được xác định là đã bán; chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; thuế XNK, thuế TTDB, thuế MT đã tính vào giá trị hàng mua nay xuất bán được hoàn lại*

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

- Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bảo hành, bảo quản đóng gói, vận chuyển...(không bao gồm bảo hành công trình xây dựng)
- Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...
- Chi phí quản lý được ghi giảm trong kỳ gồm: *hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, hoàn nhập dự phòng phải trả, các khoản thu lại tiền điện thoại vượt khoán.*

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
- Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: VND	
		31/12/2019	01/01/2019
1 . Tiền			
Tiền mặt tại quỹ		136.598.660	119.022.762
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.848.730.857	3.306.002.435
Cộng		2.985.329.517	3.425.025.197
2 . Phải thu khách hàng		31/12/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		2.540.213.303	2.658.095.303
- Dương Quốc Trị (CTy CP Văn hóa Nhân Văn)		33.700.000	47.400.000
- Bùi Thanh Vàng		47.000.000	47.000.000
- Phòng KHSXKD		153.439.663	153.439.663
- UBND xã Quảng Chính		69.900.000	69.900.000
- Hoàng Toàn (Cty TNHH MTV Khang Việt)		32.681.040	190.631.040
- Nguyễn Hùng Dũng		40.000.000	40.000.000
- Vũ Dũng (Cty TNHH Việt Khang)		24.075.000	24.075.000
- TRẦN THỊ ANH THƯ (TRẦN THU NGUYỆT - NHÀ SÁCH MINH NGUYỆT)		15.100.000	23.300.000
- Lê Xuân Kỳ		-	21.000.000
- Huỳnh Thị Xuân Thu (Nhà sách Đình Tiên Hoàng)		22.125.000	22.125.000
- Trần Minh Vương (Nhà sách Minh Vũ)		80.585.000	76.945.000
- Huyện ủy Nông Cống		-	118.687.500
- Cty Văn hóa Văn Lang (Vũ Đình Hòa)		148.500.000	97.000.000
- Nhà sách Hoàn Vũ (Vũ Hùng - Vũ Trung Long)		33.000.000	33.500.000
- Huyện ủy huyện Tĩnh Gia		100.000.000	100.000.000
- UBND phường Đông Vệ		59.240.000	59.240.000
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thạch Thành		121.705.000	110.815.000
- Nhà sách Nguyễn Ba		29.808.000	29.808.000
- UBND xã Thạch Bình		82.600.000	82.600.000
- Cty CP Toàn Cầu (Trương Đức Vỹ Nhật)		43.152.000	43.152.000
- Cty TNHH SXTMDV Tân Thuận Tiến (Đỗ Phước Thuận)		24.000.000	21.500.000
- Cty TNHH MTV TM&DV Nhân Trí Việt (Trần Đức Nam)		30.250.000	30.250.000
- Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa		414.950.000	76.200.000
- UBND xã Xuân Lập		138.800.000	-
- Khách hàng lẻ		795.602.600	1.139.527.100
b) Dài hạn			
Cộng		2.540.213.303	2.658.095.303
3 . Trả trước người bán		31/12/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		395.620	395.620
- Nhà xuất bản văn hóa dân tộc		395.620	395.620
b) Dài hạn			
Cộng		395.620	395.620

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

		31/12/2019		01/01/2019	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4 .	Phải thu khác				
a)	Ngắn hạn	14.000.000	-	26.100.000	-
-	Phải thu khác	-	-	-	-
-	Tạm ứng	14.000.000	-	26.100.000	-
	Lê Trí Duẩn	5.000.000	-	5.000.000	-
	Phùng Sĩ Tài	1.000.000	-	11.600.000	-
	Phan Bảo	5.000.000	-	5.000.000	-
	Nguyễn Hữu Thanh	1.000.000	-	2.500.000	-
	Lê Đăng Sơn	2.000.000	-	2.000.000	-
b)	Dài hạn	-	-	-	-
Cộng		14.000.000	-	26.100.000	-
		31/12/2019		01/01/2019	
5 .	Hàng tồn kho	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
-	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
-	Thành phẩm	-	-	-	-
-	Hàng hóa	2.276.571	-	2.276.571	-
-	Hàng gửi đi bán	13.545.714	-	13.545.714	-
	Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng		15.822.285	-	15.822.285	-
6 .	Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2019		01/01/2019	
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-		-	
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	70.258.182		70.258.182	
	Cộng	70.258.182		70.258.182	
7 .	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục số 01)				
		31/12/2019		01/01/2019	
8 .	Phải trả người bán	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a)	Ngắn hạn	3.523.873.791	3.523.873.791	3.883.511.808	3.883.511.808
-	Cty CP Văn Hóa Văn Lang (Vũ Đình Hòa)	144.000.000	144.000.000	94.957.500	94.957.500
-	Nhà xuất bản Nông Nghiệp	177.630.000	177.630.000	218.814.000	218.814.000
-	CTy TNHH Vận tải HP Hà Nội	21.000.000	21.000.000	21.000.000	21.000.000
-	Cty CP SX & PTTM Hà Anh	-	-	30.000	30.000
-	Cty In TM Trường Xuân	3.052.038.091	3.052.038.091	3.234.429.313	3.234.429.313
-	Cty CP Văn hóa Nhân Văn	15.300.000	15.300.000	-	-
-	CTy TNHH TM& Vận tải Hà Nguyên	17.600.000	17.600.000	-	-
-	Công ty TNHH Thiên Văn	96.305.700	96.305.700	78.809.995	78.809.995
	Bưu điện tỉnh Thanh Hóa (Tiền gửi sách đặt hàng)	-	-	235.471.000	235.471.000
b)	Dài hạn	-	-	-	-
Cộng		3.523.873.791	3.523.873.791	3.883.511.808	3.883.511.808

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . Người mua trả tiền trước	31/12/2019	01/01/2019
<i>a) Ngắn hạn</i>	64.850.000	4.550.000
- Hoàng Thị Văn Anh	39.300.000	-
- Nguyễn Ngọc Triệu (Nhà sách Triệu Minh)	4.500.000	4.500.000
- Mai Thị Thu Hà (Cty TNHH QC & In Phúc Nguyên)	50.000	50.000
- Trần Xuân Hồng (Thơ tình Xuân Hồng)	21.000.000	-
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
Cộng	64.850.000	4.550.000

10 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	65.940.832	327.854.265	393.795.097	-
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	24.231.521	82.421.929	6.883.550	99.769.900
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
- Tiền thuê đất, thuê nhà đất	-	73.398.500	73.398.500	-
- Các loại thuế khác(thuế môn bài)	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	90.172.353	485.674.694	476.077.147	99.769.900

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . Phải trả khác	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>	493.134.622	493.134.622	863.836.049	863.836.049
Kinh phí công đoàn	5.250.462	5.250.462	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	487.884.160	487.884.160	834.329.685	834.329.685
Tiền nhuận bút phải trả	487.884.160	487.884.160	834.329.685	834.329.685
Phải trả khác	-	-	29.506.364	-
<i>b) Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	493.134.622	493.134.622	863.836.049	863.836.049

12 . Vốn chủ sở hữu**13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 02)**

13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2019	01/01/2019
Vốn Chủ sở hữu	1.455.487.352	1.455.487.352
Cộng	1.455.487.352	1.455.487.352

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
<i>a) Doanh thu</i>		
- Doanh thu bán hàng	7.991.714.917	7.289.861.183
Cộng	7.991.714.917	7.289.861.183

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Năm nay	Năm trước
2 . Doanh thu thuần		
- Doanh thu thuần bán hàng	7.991.714.917	7.289.861.183
Cộng	7.991.714.917	7.289.861.183
3 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.930.293.016	5.401.000.584
Cộng	5.930.293.016	5.401.000.584
4 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.930.719	2.419.540
Cộng	2.930.719	2.419.540
5 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	-
Cộng	-	-
6 . Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	45.181.818	19.090.910
Cộng	45.181.818	19.090.910
7 . Chi phí khác		
8 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>1.981.616.216</i>	<i>1.885.216.142</i>
Cộng	1.981.616.216	1.885.216.142
10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	127.918.222	25.154.907
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(127.918.222)	(25.154.907)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	127.918.222	25.154.907
+ Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo Nghị định Số 91/2015/NĐ-CP	127.918.222	25.154.907
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	-	-
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	-	-

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

2 . Báo cáo bộ phận

3 . Công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.985.329.517	3.425.025.197	2.985.329.517	3.425.025.197
Phải thu khách hàng	2.540.213.303	2.658.095.303	2.540.213.303	2.658.095.303
Trả trước cho người bán	395.620	395.620	395.620	395.620
Phải thu khác	14.000.000	26.100.000	14.000.000	26.100.000
Cộng	5.539.938.440	6.109.616.120	5.539.938.440	6.109.616.120

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.523.873.791	3.883.511.808	3.523.873.791	3.883.511.808
Người mua trả tiền trước	64.850.000	4.550.000	64.850.000	4.550.000
Phải trả khác	493.134.622	863.836.049	493.134.622	863.836.049
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-	-
Cộng	4.081.858.413	4.751.897.857	4.081.858.413	4.751.897.857

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm (31/12/2019)			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	3.523.873.791	-	3.523.873.791
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	493.134.622	-	493.134.622
Số đầu năm (01/01/2019)			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	3.883.511.808	-	3.883.511.808
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	863.836.049	-	863.836.049

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

4 . Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo quyết toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 chuyển sang ngày 01/01/2019 của Công ty lập đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh này.

5 . Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

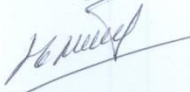
Báo cáo tài chính được thành lập trên giả định rằng Công ty vẫn hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tiếp theo.

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Thanh

Kế toán trưởng



Trịnh Văn Hiệp

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 02 năm 2020



Hoàng Văn Tú

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	-	468.538.900	-	-	-	468.538.900
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	468.538.900	-	-	-	468.538.900
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	459.583.900	-	-	-	459.583.900
Số tăng trong năm	-	8.955.000	-	-	-	8.955.000
- Khấu hao trong năm	-	8.955.000	-	-	-	8.955.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Điều chuyển sang đơn vị khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	468.538.900	-	-	-	468.538.900
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	8.955.000	-	-	-	8.955.000
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

248 Trần Phú, phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND							
Khoản mục	Vốn góp của CSH	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.455.487.352	-	-	-	-	(310.259.868)	1.145.227.484
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	25.154.907	25.154.907
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	1.455.487.352	-	-	-	-	(285.104.961)	1.170.382.391
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	127.918.222	127.918.222
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1.455.487.352	-	-	-	-	(157.186.739)	1.298.300.613